TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 432023/DS-ST
Ngày: 16-5-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư.

2. Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ trụ sở chính: đường ĐVB, Phường MB, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lô Bằng G: Bà Lương Hoàng Y - Chức vụ: Trưởng Phòng tố tụng; địa chỉ: đường ĐVB, Phường MB, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số: 41/UQ-XLTD.22 ngày 18/3/2022 và Văn bản ủy quyền số: 42/UQ-XLTD.22 ngày 18/3/2022); vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh L; địa chỉ: khóm MT, phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2022 của nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Ngày 25/8/2018, Ngân hàng V và bà Nguyễn Thanh L ký kết Hợp đồng tín dụng số: 20180829-0000125.

Số tiền cho vay: 26.375.000 đồng (trong đó khoản vay tiêu dùng là 25.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 1.375.000 đồng).

Thời hạn cho vay: 24 tháng.

Lãi suất: 5%/tháng.

Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Tài sản thế chấp: Không.

Phương thức trả nợ: Vốn và lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 05 tây, trả 24 kỳ là 46.915.308 đồng (gốc và lãi), 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.911.265 đồng, tháng cuối trả 2.956.213 đồng, kỳ đầu tiên ngày 05/10/2019, kỳ cuối ngày 05/9/2020.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng V 18 lần với số tiền vốn lãi là 34.648.530 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 15.893.956 đồng và tiền lãi là 18.754.574 đồng).

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thanh L thanh lý hợp đồng trả 01 lần cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 12.266.778 đồng (trong đó: Nợ gốc là 10.481.044 đồng, nợ lãi theo hợp đồng tính đến ngày 05/9/2020 là 1.785.734 đồng) và không yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày 05/9/2020.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh L: Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà L đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 12.266.778 đồng (trong đó: Nợ gốc là 10.481.044 đồng, nợ lãi theo hợp đồng tính đến ngày 05/9/2020 là 1.785.734 đồng).

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng V cung cấp: Ngày 25/8/2018, bà L có Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20180829-0000125.

Ngày 27/8/2018, Ngân hàng V phê duyệt cho vay số tiền 26.375.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, mục đích để tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền 46.915.308 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.911.265

đồng, tháng cuối cùng trả 2.956.213 đồng, bắt đầu từ ngày 05/10/2018. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thực hiện hợp đồng, bà L đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng V 18 lần với số tiền vốn lãi là 34.648.530 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 15.893.956 đồng và tiền lãi là 18.754.574 đồng). Kể từ ngày 14/3/2020 đến nay, bà L không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở rồi ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận.

Do đó, Ngân hàng V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thanh L thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 20180829-0000125 ngày 25/8/2018 với số tiền là 12.266.778 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền vốn vay và lãi còn nợ là 12.266.778 đồng; trong đó: Nợ gốc là 10.481.044 đồng, nợ lãi theo hợp đồng tính đến ngày 05/9/2020 là 1.785.734 đồng.

[3] Nguyên đơn Ngân hàng V không yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh sau ngày 05/9/2020 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Bị đơn Nguyễn Thanh L không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thanh L chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mà bà L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V được tính như sau: 12.266.778 đồng x 5% = 613.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a và b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, 273, 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc bà Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 20180829-0000125 ngày 25/8/2018 với số tiền là 12.266.778đ (mười hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc là 10.481.044 đồng, nợ lãi theo hợp đồng tính đến ngày 05/9/2020 là 1.785.734 đồng.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thanh L phải chịu 613.500đ (sáu trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng V 306.000đ (ba trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001819 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan